

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- World Health Organization.** Implementation Manual to Support the Prevention of Surgical Site Infections at the Facility Level: Turning Recommendations into Practice: Interim Version. World Health Organization; 2018. Accessed November 25, 2022. <https://apps.who.int/iris/handle/10665/312226>
- Berman LR, Lang A, Gelana B, et al.** Current practices and evaluation of barriers and facilitators to surgical site infection prevention measures in Jimma, Ethiopia. *Antimicrobial Stewardship & Healthcare Epidemiology.* 2021;1(1): e51. doi:10.1017/ash.2021.227
- World Health Organization.** Global Guidelines for the Prevention of Surgical Site Infection. 2nd ed. World Health Organization; 2018.
- Qasem MN, Hweidi IM.** Jordanian Nurses' Knowledge of Preventing Surgical Site Infections in Acute Care Settings. *Open Journal of Nursing.* 2017;7(5):561-582. doi:10.4236/ojn.2017.75043
- Bộ Y tế.** Quyết định 3671/QĐ-BYT về Hướng dẫn phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. Published online 2012.
- Elo S, Kyngäs H.** The qualitative content analysis process. *J Adv Nurs.* 2008; 62(1):107-115. doi:10.1111/j.1365-2648.2007.04569.x
- Nguyễn Hằng Nguyệt Vân, Nguyễn Thái Hưng, Nguyễn Thị Hoài Thu, Dương Minh Đức.** Đánh giá kiến thức và thực hành phòng chống nhiễm khuẩn vết mổ của cán bộ y tế tại Bệnh viện 19.8 năm 2017. *Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển.* 2019;03(01): 94-101.
- Nam NP, Hương LTT.** The compliance of routine hand hygiene among nurses and midwives at Tra Vinh Hospital of Obstetrics, Gynecology and Pediatrics in 2020 and associated factors. *YHCĐ.* 2021;62(2 (2021)). doi:10.52163/yhc.v62i2
- Bộ Y tế.** Thông tư 16/2018/TT-BYT quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở khám bệnh chữa bệnh mới nhất. Published online 2018. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-16-2018-TT-BYT-quy-dinh-ve-kiem-soat-nhiem-khuan-trong-co-so-kham-benh-chua-benh-389675.aspx>
- Flodgren G, Eccles MP, Shepperd S, Scott A, Parmelli E, Beyer FR.** An overview of reviews evaluating the effectiveness of financial incentives in changing healthcare professional behaviours and patient outcomes. *Cochrane Effective Practice and Organisation of Care Group, ed. Cochrane Database of Systematic Reviews.* Published online 2011. doi:10.1002/14651858.CD009255

KHẢO SÁT KIẾN THỨC, THỰC HÀNH VÀ QUAN ĐIỂM CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ VỀ HOẠT ĐỘNG DƯỢC LÂM SÀNG TẠI BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Ngô Kim Tiên¹, Võ Thị Hà^{1,2}, Phạm Đình Luyện³

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Dược lâm sàng (DLS) được triển khai mạnh theo mô hình viện – trường tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương từ năm 2019. Nghiên cứu này nhằm khảo sát kiến thức, thực hành và quan điểm của nhân viên y tế (NVYT) về hoạt động DLS tại Bệnh viện. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả, phỏng vấn 232 NVYT vào 12/2022 bằng bộ câu hỏi gồm 8 câu hỏi về đặc điểm chung, 6 câu hỏi về kiến thức, 2 câu hỏi về thực hành và 7 câu hỏi về quan điểm. **Kết quả:** Tỷ lệ bác sĩ, điều dưỡng, dược sĩ tham gia khảo sát lần lượt là 25,4%, 61,2%, và 13,4%; nữ giới (70,3%); giữ chức vụ quản lý chiếm tỷ lệ 17,2%. Về kiến thức, NVYT được xếp loại có "kiến thức tốt" về hoạt động DLS chiếm 90,1%. Chỉ có 47,4%-66,8% NVYT biết về 4 quy trình hướng dẫn liên quan sử dụng kháng sinh đã ban hành tại bệnh viện. Về thực hành, 3/4 NVYT "đã

từng trao đổi chuyên môn với dược sĩ lâm sàng (DSLS)" trong quá trình làm việc. Tỷ lệ NVYT "thường xuyên trao đổi" là 13,4%. Về loại vấn đề chuyên môn trao đổi với DSLS, "Lựa chọn thuốc" và "Liều dùng thuốc" là những vấn đề được trao đổi nhiều nhất, xảy ra ở 49,1% và 48,7% NVYT. Hầu hết NVYT "có thái độ tích cực về vai trò của DSLS" (97,0%), "hài lòng về hoạt động DLS tại bệnh viện" (82,3%) và "sẵn sàng hợp tác với DSLS" (95,2%). **Kết luận:** Đa số NVYT có kiến thức tốt, đã từng trao đổi chuyên môn với DSLS và có thái độ tích cực về hoạt động DLS tại Bệnh viện.

Từ khóa: Dược lâm sàng, kiến thức, thực hành, quan điểm, nhân viên y tế, bệnh viện

SUMMARY

SURVEY OF KNOWLEDGE, PRACTICES AND OPINIONS OF HEALTHCARE PROFESSIONAL ON CLINICAL PHARMACY ACTIVITIES AT NGUYEN TRI PHUONG HOSPITAL

Background: Clinical pharmacy (CP) has been strongly developed under the hospital-university model at Nguyen Tri Phuong Hospital since 2019. This study surveyed the knowledge, practices and opinions of healthcare professionals (HCPs) on CP activities at the hospital. **Research subjects and methods:** A descriptive, cross-sectional study interviewed with 232 HCPs in December 2022 using a questionnaire

¹Bệnh viện Nguyễn Tri Phương²Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch³Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Đình Luyện

Email: dinhluyen@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 20.11.2023

Ngày phản biện khoa học: 19.12.2023

Ngày duyệt bài: 23.01.2024

including 8 questions about general characteristics, 6 questions about knowledge, 2 questions about practice, and 7 questions about opinions. **Results:** The proportion of doctors, nurses, and pharmacists answered to the survey were 25.4%, 61.2%, and 13.4%, respectively; was female (70.3%); hold management positions (17.2%). Regarding knowledge, 90,1% HCPs were classified as having "good knowledge" about CP activities. Only 47.4%-66.8% of HCPs knew about 4 guiding procedures related to the use of antibiotics that were issued in hospitals. Regarding practice, 3/4 of HCPs "had professional discussions with clinical pharmacists" during their practice. The rate of HCPs "regularly discussed" was 13.4%. Regarding the types of professional issues discussed with clinical pharmacists, "Drug selection" and "Drug dosage" were the most discussed issues, occurring in 49.1% and 48.7% of HCPs. Most HCPs "had a positive attitude about the role of clinical pharmacists" (97.0%), "were satisfied with CP activities at the hospital" (82.3%), and were "willing to work with clinical pharmacists" (95.2%). **Conclusion:** The majority of HCPs had good knowledge, had professional exchanges with clinical pharmacists, and had a positive attitude about CP activities at the Nguyen Tri Phuong Hospital. **Keywords:** Clinical pharmacy, knowledge, practice, opinion, healthcare professional staff, hospital

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến chất lượng khám chữa bệnh của bệnh viện ngoài việc cung ứng thuốc đầy đủ, kịp thời thì việc đảm bảo sử dụng thuốc hiệu quả - an toàn - hợp lý là nhiệm vụ quan trọng của bộ phận Dược lâm sàng (DLS)¹.

Tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, Hoạt động DLS được đẩy mạnh phát triển nhờ sự hợp tác viện – trường giữa giảng viên của Trường ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch và dược sĩ lâm sàng (DLS) tại bệnh viện từ đầu năm 2019. Trong quá trình thực hành, DLS thường xuyên phải thực hành hợp tác với nhân viên y tế (NVYT) gồm bác sĩ (BS), điều dưỡng (ĐD) và dược sĩ (DS) khác để chăm sóc người bệnh. Nghiên cứu trên thế giới²⁻⁷ khảo sát về kiến thức, thực hành và quan điểm của nhân viên y tế (NVYT) về vai trò, hoạt động của Dược lâm sàng đã cung cấp thông tin hữu ích giúp Dược lâm sàng cải tiến hiệu quả hoạt động. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu: "*Khảo sát kiến thức, thực hành và quan điểm của nhân viên y tế về hoạt động Dược lâm sàng tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương*".

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả, phỏng vấn nhân viên y tế (NVYT) bằng phiếu câu hỏi tự điền vào tháng 12/2022.

Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chuẩn chọn mẫu

- BS, DS, ĐD trực tiếp chăm sóc người bệnh đang làm việc tại Bệnh viện

- Có thời gian kinh nghiệm làm việc ít nhất 1 năm

Tiêu chuẩn loại trừ

- Người tham gia khảo sát không điền đủ các mục bắt buộc trong khảo sát hoặc nội dung trả lời các câu hỏi không hợp lệ

- Học viên đang thực tập tại Bệnh viện

Chọn mẫu: Khảo sát từ NVYT từ 20 khoa phòng, trong đó 19 khoa lâm sàng điều trị và Khoa Dược. Mỗi khoa lâm sàng có ít nhất 01 BS lãnh đạo, 02 BS điều trị, 01 ĐD trưởng, 01 ĐD viên, riêng với Khoa Dược thì gồm 15 DS đại học và 15 DS cao đẳng - trung học.

Bộ câu hỏi khảo sát. Bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên các nghiên cứu tương tự²⁻⁵, sau đó được sửa đổi bởi 3 DLS và áp dụng thử cho 3 BS, 3 ĐD và 3 DS để phát hiện các câu hỏi/thuật ngữ không rõ ràng nhằm hoàn thiện thành bộ câu hỏi cuối cùng.

Bộ câu hỏi cuối cùng có 4 phần: Phần I gồm 8 câu hỏi nhằm thu thập đặc điểm chung của NVYT. Phần II khảo sát kiến thức của NVYT về hoạt động DLS gồm 6 câu hỏi. Trong đó câu 1, 2, 3 có 3 lựa chọn là "Đúng", "Sai" và "Không biết", câu 4 có 2 lựa chọn "Biết" và "Không biết". Người tham gia trả lời chính xác đáp án của mỗi câu hỏi sẽ được tính 1 điểm. Câu 5 và câu 6 mỗi câu có nhiều sự lựa chọn. Người tham gia trả lời chính xác 1 lựa chọn được tính 0,1 điểm, trả lời đầy đủ các đáp án được tổng 1 điểm. Tổng điểm tối đa là 6 điểm. Người tham gia đạt điểm ≥ 3 điểm được xem là "có kiến thức tốt", < 3 điểm được xem là có kiến thức "chưa tốt". Phần III khảo sát mức độ thực hành tương tác giữa NVYT và Dược sĩ lâm sàng gồm 2 câu hỏi về tần suất tương tác và loại vấn đề chuyên môn khi tương tác. Phần IV khảo sát quan điểm của NVYT về vai trò của DLS tại bệnh viện gồm 7 câu hỏi. Câu 1 đến câu 5 dùng thang Likert 5-điểm. Câu 6, câu 7 là câu hỏi mở ghi nhận những đóng góp của NVYT và không tính điểm. Người tham gia đạt ≥ 15 điểm được xem là có "thái độ tích cực về vai trò của Dược lâm sàng", < 15 điểm được xem là có "thái độ tiêu cực".

Xử lý số liệu: Xác định các yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ của nhân viên y tế về hoạt động DLS gồm tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, nghề nghiệp, số năm kinh nghiệm thông qua kiểm định Chi bình phương. Giá trị $p < 0,05$ được coi là có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 95%.

Đạo đức trong nghiên cứu: Nghiên cứu

được chấp thuận của Hội đồng Đạo đức Trường Đại Học Trà Vinh (Quyết định số 77/HDDD ngày 02/11/2022 của Hội đồng Đạo đức Bệnh Viện Nguyễn Tri Phương (Quyết định số 1723/NTP-HĐĐĐ ngày 30/11/2022).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đặc điểm chung của nhân viên y tế tham gia khảo sát. Tổng số lượng NVYT tham gia khảo sát là n=232. Đa số NVYT tham gia khảo sát là nữ giới (70,3%), nam giới chiếm tỷ lệ

29,7%, thuộc nhóm tuổi từ 30 – 39 (47,0%), có thâm niên làm việc tại bệnh viện từ 3 năm trở lên (82,3%). Tỷ lệ BS, ĐD, DS lần lượt là 25,4%, 61,2%, và 13,4%. Về trình độ học vấn, NVYT có trình độ sau đại học là 20,3%. Về chức vụ, đối tượng tham gia nghiên cứu giữ chức vụ phụ trách/quản lý chiếm tỷ lệ 17,2%.

Khảo sát kiến thức, thực hành và quan điểm của nhân viên y tế về hoạt động được lâm sàng tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương

Bảng 1. Khảo sát kiến thức của nhân viên y tế về hoạt động Dược lâm sàng tại Bệnh viện (n=232)

Câu	Nội dung câu hỏi	N (%) câu trả lời đúng/biết
1	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương hiện đã triển khai hoạt động Dược lâm sàng bởi Dược sĩ lâm sàng	221 (95,3%)
2	Mục đích trong công tác Dược lâm sàng là nhằm: tối ưu hiệu quả, an toàn và kinh tế trong việc sử dụng thuốc cho người bệnh.	215 (92,7%)
3	Hoạt động Dược lâm sàng tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương hiện được triển khai thường quy tại 03 khoa: Khoa Hồi sức tích cực và Chống độc; Khoa Chấn thương chỉnh hình; và Khoa Ngoại thần kinh	133 (57,3%)
4	Bạn có biết phòng làm việc của Tổ Dược lâm sàng	162 (69,8%)
5	Theo bạn, nhiệm vụ chính của Dược sĩ lâm sàng gồm các nhiệm vụ:	
	• Tư vấn dùng thuốc cho Bệnh nhân ngoại trú	205 (88,4%)
	• Tham gia hội chẩn chuyên môn về thuốc	204 (87,9%)
	• Tham gia bình đơn thuốc/ca lâm sàng định kỳ	150 (64,75)
	• Cung cấp thông tin thuốc	169 (72,8%)
	• Giám sát, báo cáo tác dụng không mong muốn của thuốc và công tác cảnh giác dược	174 (75,0%)
	• Tham gia phân tích, đánh giá tình hình sử dụng thuốc	146 (62,9%)
	• Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy trình sử dụng thuốc	144 (62,1%)
	• Tham gia tư vấn trong quá trình xây dựng danh mục thuốc của đơn vị	143 (61,6%)
6	• Xây dựng các quy trình hướng dẫn chuyên môn về thuốc	151 (65,1%)
	• Tham gia nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho các thành viên trong khoa và học viên khác	150 (64,7%)
	Theo bạn, hiện Dược sĩ lâm sàng tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương đã triển khai được các hoạt động:	
	• Tư vấn dùng thuốc cho người bệnh ngoại trú	139 (59,9%)
	• Hội chẩn chuyên môn về thuốc	204 (87,9%)
	• Tham gia bình đơn thuốc/ca lâm sàng định kỳ	134 (57,7%)
	• Cung cấp thông tin thuốc	147 (63,4%)
	• Giám sát, báo cáo, đào tạo về tác dụng có hại của thuốc	161 (69,4%)
	• Tham gia phân tích, đánh giá tình hình sử dụng thuốc	111 (47,8%)
	• Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy trình sử dụng thuốc	113 (48,7%)
	• Tham gia tư vấn trong quá trình xây dựng danh mục thuốc của Bệnh viện	115 (49,6%)
	• Xây dựng các quy trình hướng dẫn chuyên môn về thuốc:	
	○ Quy trình sử dụng Colistin	155 (66,8%)
	○ Quy trình hướng dẫn về liều và theo dõi nồng độ Vancomycin	140 (60,3%)
	○ Quy trình chuyển đổi kháng sinh từ đường tiêm sang đường uống	110 (47,4%)
○ Quy trình hội chẩn và phê duyệt kháng sinh ưu tiên quản lý cho người bệnh nội trú	143 (61,6%)	
• Tham gia nghiên cứu khoa học và đào tạo	111 (47,8%)	

Tổng điểm trung bình (Trung bình \pm SD)		4,45 \pm 1,14
Phân loại kiến thức		
	• Kiến thức tốt (\geq 3 điểm)	209 (90,1%)
	• Kiến thức chưa tốt (< 3 điểm)	23 (9,9%)

Đa số NVYT trả lời đúng về việc bệnh viện đã triển khai hoạt động DLS bởi Dược sĩ lâm sàng (95,3%) cũng như mục tiêu khi triển khai DLS (92,7%). Tuy nhiên, chỉ khoảng 2/3 NVYT biết về các khoa lâm sàng đang triển khai DLS thường quy và địa điểm phòng làm việc của Tổ Dược lâm sàng. Về nhiệm vụ chính của DLS, 2 nhiệm vụ được NVYT trả lời nhiều nhất là "Tư vấn dùng thuốc cho Bệnh nhân ngoại trú" (88,7%) và "Tham gia hội chẩn chuyên môn về thuốc" (87,9%).

Về các nhiệm vụ của bộ phận DLS đã được triển khai tại bệnh viện, tỷ lệ đối tượng tham gia nghiên cứu trả lời là "Hội chẩn chuyên môn về thuốc" chiếm tỷ lệ cao nhất với 87,9%. "Tham gia phân tích, đánh giá tình hình sử dụng thuốc" và "Tham gia nghiên cứu khoa học và đào tạo" là nhiệm vụ ít được NVYT biết đến nhất, chỉ chiếm tỷ lệ 47,8%. Chỉ có 47,4%-66,8% NVYT biết về 4 quy trình hướng dẫn liên quan sử dụng KS tại bệnh viện. Tỷ lệ NVYT được xếp loại có "kiến thức tốt" chiếm tỷ lệ 90,1%.

Bảng 2. Khảo sát thực hành tương tác giữa nhân viên y tế và dược sĩ lâm sàng (n=232)

Câu hỏi	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
---------	------------	-----------

Bạn đã từng trao đổi với dược sĩ lâm sàng chưa ?

Chưa bao giờ	52	22,4
Hiếm khi (1-2 lần)	79	34,0
Thỉnh thoảng (3-5 lần)	70	30,2
Thường xuyên (>5 lần)	31	13,4

Vấn đề chuyên môn bạn trao đổi với dược sĩ lâm sàng là ?

Lựa chọn thuốc	114	49,1
Liều dùng thuốc	113	48,7
Cách dùng thuốc	87	37,5
Tác dụng có hại của thuốc	101	43,5
Tương tác thuốc	104	44,8
Theo dõi điều trị	58	25,0
Khác	20	8,6

Về tần suất trao đổi với DSLD, tỷ lệ NVYT chưa bao giờ trao đổi với DSLS chiếm tỷ lệ 22,4%. Tỷ lệ NVYT đã từng trao đổi với DSLS là 77,6%, trong đó tần suất hiếm (1-2 lần) chiếm 34,0%, thỉnh thoảng (3-5 lần) chiếm 30,2% và thường xuyên (>5 lần) chiếm 13,4%. Về loại vấn đề chuyên môn trao đổi với DSLS, Lựa chọn thuốc và Liều dùng thuốc là những vấn đề được trao đổi nhiều nhất chiếm tỷ lệ lần lượt là 49,1% và 48,7%. Vấn đề về theo dõi điều trị và các vấn đề khác ít được trao đổi với DSLS nhất chiếm tỷ lệ lần lượt là 25,0% và 8,6%.

Bảng 3. Quan điểm của nhân viên y tế về vai trò của dược lâm sàng tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương (n=232)

Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung tập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Dược sĩ lâm sàng là một bộ phận quan trọng không thể thiếu của đội ngũ y tế để chăm sóc, điều trị cho bệnh nhân	5 (2,2%)	2 (0,8%)	19 (8,2%)	139 (59,9%)	67 (28,9%)
Dược sĩ lâm sàng có thể giảm thiểu sai sót khi dùng thuốc và cải thiện kết quả điều trị của bệnh nhân	6 (2,6%)	3 (1,3%)	19 (8,2%)	148 (63,8%)	56 (24,1%)
Dược sĩ lâm sàng có thể được đào tạo trong một số lĩnh vực y tế nhất định để thực hiện vai trò tư vấn cho bệnh nhân	6 (2,6%)	4 (1,7%)	27 (11,6%)	147 (63,4%)	48 (20,7%)
Bạn có hài lòng với hoạt động Dược lâm sàng tại bệnh viện	5 (2,2%)	4 (1,7%)	32 (13,8%)	140 (60,3%)	51 (22,0%)
Bạn có sẵn sàng hợp tác với Dược sĩ lâm sàng trong công tác điều trị	5 (2,2%)	0 (0,0%)	6 (2,6%)	144 (62,0%)	77 (33,2%)
Tổng điểm trung bình (Trung bình \pm SD)	20,37 \pm 3,42				
Phân loại thái độ					
Có thái độ tích cực về vai trò của DLS	225 (97,0%)				
Nhận thức tiêu cực về vai trò của DLS	7 (3,0%)				

84,1%-88,8% NVYT “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” với quan điểm “DSLS là một bộ phận quan trọng không thể thiếu của đội ngũ y tế để chăm sóc, điều trị cho bệnh nhân”, “DSLS có thể giảm thiểu sai sót khi dùng thuốc và cải thiện kết quả điều trị của bệnh nhân”, “DSLS có thể được đào tạo trong một số lĩnh vực y tế nhất định để thực hiện vai trò tư vấn cho NB”. Về quan điểm hài lòng về hoạt động DLS tại bệnh viện, tỷ lệ NVYT “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” với quan điểm này chiếm 82,3%. Về quan điểm sẵn sàng hợp tác với DSLS, tỷ lệ NVYT “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” với quan điểm này chiếm 95,2%. Tổng điểm trung bình về thái độ là $20,37 \pm 3,42$. Tỷ lệ NVYT được xếp loại “Có thái độ tích cực về vai trò của DSLS” chiếm 97,0%.

Về những khó khăn của NVYT khi làm việc với bộ phận DSLS, các NVYT cho rằng “DLS làm việc kém hiệu quả” chiếm 6,5% (15/232), NVYT không biết về DSLS chiếm 1,3% (3/232) và “bất đồng quan điểm với DSLS” chiếm 21,7% (15/232). Về góp ý của NVYT thì có 6,5% (15/232) góp ý về “Cải thiện hiệu quả làm việc của bộ phận DLS” và “Liên kết hoạt động DLS với các khoa” chiếm 4/232 (1,7%).

Xác định các yếu tố liên quan kiến thức và thái độ của nhân viên y tế đối với hoạt động dược lâm sàng tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương. Nghiên cứu đã tìm ra mối liên quan giữa giới tính với kiến thức của NVYT về hoạt động DLS ($p=0,01$). Cụ thể, những người có giới tính nam sẽ có OR kiến thức bằng 0,34 lần (95% CI 0,13-0,91) so với nữ giới. Không tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tuổi, nghề nghiệp, kinh nghiệm tại bệnh viện, kinh nghiệm trong ngành, trình độ chuyên môn và chức vụ với kiến thức và quan điểm của NVYT về hoạt động DLS.

IV. BÀN LUẬN

Kiến thức của nhân viên y tế về hoạt động dược lâm sàng tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương. Hầu như tất cả NVYT tại bệnh viện đều nhận biết đúng mục tiêu và sự tồn tại của hoạt động DLS. Tuy nhiên, do nhân sự DSLS tại bệnh viện chỉ có 7 người và chỉ triển khai hoạt động thường quy tại 3 khoa lâm sàng từ lần lượt các năm 2019, 2021, 2022 nên chỉ có 2/3 NVYT nắm được thông tin này. Từ năm 2019, Tổ DLS đã xây dựng Phòng tư vấn dành cho NB ngoại trú để triển khai việc tư vấn theo đơn cho NB có nhu cầu hoặc tư vấn theo các chương trình tư vấn chủ động. Hoạt động này cũng được nhận viết bởi gần 90% NVYT.

Hoạt động tham gia hội chẩn chuyên môn về thuốc cũng được nhận biết bởi gần 90% NVYT. Tuy nhiên, chỉ có khoảng 50-70% NVYT biết về 4 quy trình hướng dẫn liên quan sử dụng KS tại bệnh viện. Do đó, BV cần có các hoạt động truyền thông nội bộ chặt chẽ hơn để tất cả NVYT nắm rõ các quy trình chuyên môn trên, để có thể phối hợp hiệu quả với DSLS để triển khai các quy trình chuyên môn trên.

Thực hành tương tác của nhân viên y tế với dược sĩ lâm sàng tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương. 3/4 NVYT đã từng trao đổi chuyên môn với DSLS trong quá trình làm việc. Tỷ lệ NVYT thường xuyên trao đổi chuyên môn với DSLS là 13,4%. Các nội dung trao đổi được đề cập nhiều nhất là “Lựa chọn thuốc” và “Liều dùng thuốc”. Điều này cũng đúng với thực tế, đa số NVYT tại Bệnh viện tương tác với dược sĩ lâm sàng là để hội chẩn về lựa chọn dùng thuốc và tối ưu liều dùng thuốc. Nghiên cứu ở Ai Cập² cho thấy 50.5% bác sĩ báo cáo có tương tác trực tiếp với dược sĩ như một nguồn cung cấp thông tin thuốc. Về loại vấn đề chuyên môn trao đổi với DSLS, là những vấn đề được trao đổi nhiều nhất, xảy ra ở 49,1% và 48,7% NVYT. Trong một khảo sát tại Pakistan thì 92,2% dược sĩ được phỏng vấn tương tác với bác sĩ ít nhất một lần/ngày⁶.

Quan điểm của nhân viên y tế về vai trò của dược lâm sàng tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương. Hầu hết NVYT “có thái độ tích cực về vai trò của DSLS” (97,0%) và “hài lòng về hoạt động DLS tại bệnh viện” (82,3%) và “sẵn sàng hợp tác với DSLS” (95,2%). Nghiên cứu ở Tây Phi⁵ cho thấy phần lớn bác sĩ tin rằng vai trò của DS là thiết yếu bởi vì cung cấp các hoạt động nhằm cải tiến kết quả của người bệnh (82,4%). Tuy nhiên, 1/2 bác sĩ nhận định dược sĩ là thiếu năng lực trong việc cung cấp các hoạt động dược lâm sàng.

Từ những góp ý của NVYT, Tổ DLS cần nâng cao hiệu quả làm việc của mình, phối hợp chặt chẽ với các khoa lâm sàng, tăng cường kỹ năng giao tiếp để giải quyết mâu thuẫn – bất đồng quan điểm với các NVYT khác, và tăng cường sự nhận biết vai trò của mình. Nghiên cứu tại Ai Cập² cũng cho thấy hơn 80% bác sĩ mong muốn DSLS hợp tác hằng ngày, trực tiếp với bác sĩ.

Một số yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức và quan điểm của nhân viên y tế đối với hoạt động dược lâm sàng. Trong nghiên cứu, chỉ xác định được yếu tố duy nhất là nữ giới có kiến thức về hoạt động DLS tốt hơn nam giới. Trong khi, theo nghiên cứu tại Qatar thì điều dưỡng ít coi trọng vai trò tích cực của DSLS

trong chăm sóc trực tiếp người bệnh hơn so với bác sĩ và dược sĩ (64.2%, 90% và 95.7%, tương ứng). Tương tự, một nghiên cứu khác tại Ai Cập cho thấy BS ít có thái độ tích cực về vai trò của DLS hơn so với bản thân DS³.

V. KẾT LUẬN

Đa số NVYT có kiến thức tốt, đã từng trao đổi chuyên môn với DSLS và có thái độ tích cực về hoạt động DLS tại Bệnh viện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Chính phủ Việt Nam** (2020). Nghị định số 131/2020/NĐ-CP ngày 02/11/2020 Quy định về tổ chức, hoạt động Dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
2. **Sabry NA, Farid SF** (2014). The role of clinical pharmacists as perceived by Egyptian physicians. *Int J Pharm Pract.* 22(5):354-9.
3. **Said A, Hussain N, Abdelaty LN** (2020). Physicians' and pharmacists' perception and

- practice of hospital pharmacist professional role in Egypt. *Int J Pharm Pract.* 28(5):491-497.
4. **Omar NE, Elazzazy S, Abdallah O et al.** (2020). Perceptions and expectations of health care providers towards clinical pharmacy services at a tertiary cancer centre in Qatar. *J Oncol Pharm Pract.* 26(5):1086-1096.
 5. **Kabba JA, James PB, Hanson C et al.** (2020). Sierra Leonean doctors' perceptions and expectations of the role of pharmacists in hospitals: a national cross-sectional survey. *Int J Clin Pharm.* 42(5):1335-1343.
 6. **Khan N, McGarry K, Naqvi AA et al.** (2020). Pharmacists' viewpoint towards their professional role in healthcare system: a survey of hospital settings of Pakistan. *BMC Health Serv Res.* 20, 610.
 7. **Khdour MR, Alayasa KS, Alshahed QN et al.** (2013). Physicians' perceptions, attitudes and expectations regarding the role of hospital-based pharmacists in the West Bank, Palestine. *Int J Pharm Pract.* 21(3):178-84.

NGHIÊN CỨU PHÂN BIỆT VỀ THỰC VẬT HỌC VÀ DI TRUYỀN HỌC CỦA 3 LOÀI MẮM (AVICENNIA SP.) THU HÁI TẠI TỈNH CÀ MAU

Nguyễn Thị Ngọc Vân¹, Dương Tuyết Ngân¹, Nguyễn Văn Cường², Nguyễn Ngọc Nhã Thảo¹, Phạm Bích Kiều³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Phân biệt về đặc điểm thực vật học và di truyền học của 3 loài mấm (*Avicennia* sp.) thu hái tại tỉnh Cà Mau, Việt Nam. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Các mẫu cây mấm thu hái tại tỉnh Cà Mau vào tháng 6 năm 2023. Các mẫu rễ, thân, lá, hoa và quả được nghiên cứu về đặc điểm hình thái. Các mẫu lá tươi được rửa sạch, phân tích vi phẫu và được chiết tách DNA để nghiên cứu đa dạng di truyền và giải trình tự gen. **Kết quả:** Mức độ tương đồng của các mẫu thu hái ở Cà Mau khi so sánh với dữ liệu NCBI tương đồng với 3 loài Mấm: Mấm đen (*Avicennia officinalis*) tương đồng 99,3%; Mấm ổi (*Avicennia marina*) tương đồng 99,5%; Mấm trắng (*Avicennia alba*) tương đồng 99,5%. Kết quả giải trình tự gen làm căn cứ để phân biệt đặc điểm thực vật học của 3 loài Mấm khác nhau thu hái ở Cà Mau. Từ đặc điểm hình thái nhận thấy lá là bộ phận dùng có nhiều khác biệt về hình dạng nên được lựa chọn để phân tích đặc điểm vi phẫu. Đặc điểm phân biệt 3 loài Mấm nằm ở cách sắp xếp libe và gỗ. **Kết luận:** Kết quả di truyền

học làm căn cứ để phân biệt và so sánh đặc điểm hình thái, vi phẫu của các bộ phận ở 3 loài Mấm, giúp cho người dân thuận tiện trong việc bảo tồn và thu hái cây Mấm. **Từ khóa:** Chi Mấm, Mấm đen, Mấm trắng, Mấm ổi

SUMMARY

RESEARCH ON BOTANY AND GENETICS OF 3 SPECIES AVICENNIA SP. COLLECTED IN CA MAU PROVINCE, VIETNAM

Objective: Distinguish the botanical and genetic characteristics of 3 species of *Avicennia* sp. collected in Ca Mau province, Vietnam. **Subjects and methods:** Samples of *Avicennia* sp. plants collected in Ca Mau province in June 2023. Samples of roots, stems, leaves, flowers and fruits were studied for morphological characteristics. Fresh leaf samples were washed, microscopically analyzed and DNA extracted for genetic diversity research and gene sequencing. **Results:** The similarity level of samples collected in Ca Mau when compared with NCBI data is similar to 3 species of *Avicennia* sp.: *Avicennia officinalis* is 99.3% similar; *Avicennia marina* is 99.5% similar; *Avicennia alba* is 99.5% similar. The results of gene sequencing serve as a basis to distinguish the botanical characteristics of 3 different species of *Avicennia* collected in Ca Mau. From the morphological characteristics, it can be seen that leaves are used parts with many differences in shape, so they were selected for microsurgical analysis. The distinguishing feature of the three *Avicennia* species was the arrangement of phloem and wood. **Conclusion:**

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

²Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ

³Công ty Cổ phần Công nghệ Vietlabs

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Ngọc Vân

Email: ntnvan@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 20.11.2023

Ngày phản biện khoa học: 25.12.2023

Ngày duyệt bài: 22.01.2024